

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị
thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở,
cơ quan thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành Nghị định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 49-KL/TU ngày 21/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc ban hành quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc các Sở, cơ quan ngang Sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 629/TTr-SNV ngày 10/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khung số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi chung là sở), như sau:

1. Khung số lượng cấp phó các phòng, ban (sau đây gọi chung là phòng) thuộc sở

- a) Các phòng hiện tại có từ 05 biên chế công chức trở xuống: Có 01 cấp phó;
- b) Các phòng hiện tại có từ 06 đến 08 biên chế công chức; các phòng thuộc Sở Tư pháp, thuộc Sở Nội vụ: Có không quá 02 cấp phó;
- c) Các phòng hiện tại có từ 09 biên chế công chức trở lên: Có không quá 03 cấp phó.
- d) Các phòng khối tham mưu thuộc Văn phòng UBND tỉnh: Trường hợp công chức đang giữ chức danh lãnh đạo là phó trưởng phòng hoặc tương đương từ cơ quan khác mà được tiếp nhận, điều động về công tác tại các phòng khối tham mưu thuộc Văn phòng UBND tỉnh thì được bổ nhiệm giữ nguyên chức vụ phó trưởng phòng và không tính vào định mức khung số lượng cấp phó quy định tại Quyết định này trong tổng số biên chế giao cho phòng. Trường hợp là Trưởng phòng và tương đương ở đơn vị khác có nguyện vọng về công tác tại Văn phòng UBND tỉnh thì giải quyết theo nguyện vọng của cá nhân đó và theo quy định về công tác tổ chức cán bộ. Các phòng thuộc khối hành chính, phục vụ thực hiện theo khung số lượng cấp phó tại Khoản a, b, c Điểm 1, Điều 1 Quyết định này.

2. Khung số lượng cấp phó các chi cục, ban (tổ chức quản lý nhà nước), các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở

- a) Các chi cục, ban (tổ chức quản lý nhà nước) trực thuộc sở hiện tại có dưới 40 biên chế công chức và số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp); các chi cục, ban trực thuộc Sở Nội vụ, các chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Có không quá 02 cấp phó.
- b) Các chi cục, ban hiện tại có từ 40 biên chế trở lên: Có không quá 03 cấp phó.
- c) Các đơn vị sự nghiệp hạng I trực thuộc sở: Có không quá 03 cấp phó; Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Có không quá 04 cấp phó.
- d) Các đơn vị sự nghiệp hạng II trực thuộc sở: Có không quá 02 cấp phó.
- e) Các đơn vị sự nghiệp từ hạng III trở xuống trực thuộc sở: Có 01 cấp phó.
- g) Các trường THPT có cấp học THCS: Số lượng cấp phó được bổ nhiệm theo quy định đối với hạng trường THPT.
- h) Các đơn vị sự nghiệp chưa được xếp hạng hoặc chưa có Thông tư hướng dẫn xếp hạng của liên bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ thì thực hiện như sau:
 - Đơn vị hiện tại có từ 15 biên chế sự nghiệp trở xuống: Có 01 cấp phó.
 - Đơn vị hiện tại có từ 16 đến dưới 40 biên chế sự nghiệp: Có không quá 02 cấp phó.
 - Đơn vị hiện tại có từ 40 biên chế sự nghiệp trở lên: Có không quá 03 cấp phó.

(có Phụ lục quy định chi tiết số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh.

a) Căn cứ khung số lượng, phụ lục quy định chi tiết số lượng cấp phó quy định tại Quyết định này và số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp thực tế (số biên chế hiện có) để bổ nhiệm cấp phó của từng phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vị trí việc làm và tính chất, đặc điểm, khối lượng công việc, thực trạng đội ngũ công chức, viên chức của các phòng, ban, đơn vị.

b) Khi có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, tên gọi các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc sở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì số lượng cấp phó của các đơn vị được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

c) Trong trường hợp được cấp có thẩm quyền giao bổ sung chức năng, nhiệm vụ, biên chế công chức, biên chế sự nghiệp, thay đổi hạng đơn vị sự nghiệp hoặc Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh có sự điều chỉnh tăng, giảm biên chế công chức, biên chế sự nghiệp giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc có liên quan đến tăng, giảm số lượng cấp phó theo Quyết định này thì Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định và chỉ thực hiện việc bổ nhiệm cấp phó sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

d) Căn cứ chỉ tiêu số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) được giao để phân bổ cho các đơn vị (khoa, trung tâm và tổ chức tương đương) trực thuộc làm cơ sở để thực hiện bổ nhiệm cấp phó đảm bảo đúng Quyết định này, bao gồm: Số lượng người làm việc được Chủ tịch UBND tỉnh giao, số lượng người làm việc do đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ một phần hoặc toàn bộ về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và số lượng lao động hợp đồng có quỹ lương được Chủ tịch UBND tỉnh giao.

đ) Đối với các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh hiện có số lượng cấp phó nhiều hơn số lượng cấp phó quy định tại Quyết định này, yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh khẩn trương rà soát, xây dựng kế hoạch bố trí, điều động, luân chuyển giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đảm bảo đến 30 tháng 9 năm 2017 thực hiện điều chuyển xong số lượng cấp phó vượt so với quy định và chỉ được bổ sung thêm cấp phó khi số lượng chưa đạt đủ số lượng quy định tại Quyết định này.

e) Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, bất cập hoặc chưa phù hợp thì Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ: Tham mưu, giúp UBND tỉnh kiểm tra, thanh tra đối với các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh trong việc thực hiện Quyết định này; đề xuất hình thức xử lý đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện trái quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định này.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan ngang sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

PHỤ LỤC SỐ 1

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung Số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	02	
2	Thanh Tra Sở	02	
3	Phòng Quản lý công chức, viên chức	02	
4	Phòng Cải cách hành chính	02	
5	Phòng Xây dựng chính quyền	02	
6	Phòng Đào tạo	02	
7	Phòng Tổ chức biên chế	02	
8	Phòng Công tác Thanh niên	02	
II	Đơn vị trực thuộc		
9	Chi Cục Văn thư lưu trữ	02	
10	Ban Tôn giáo	02	
11	Ban Thi đua khen thưởng	02	
Tổng		22	

PHỤ LỤC SỐ 2

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	02	
2	Thanh tra Sở	02	
3	Phòng Hành chính Tư pháp	02	
4	Phòng Hỗ trợ tư pháp	02	
5	Phòng Xây dựng văn bản	02	
6	Phòng Phổ biến giáo dục pháp luật	02	
7	Phòng kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản pháp luật	02	
8	Phòng kiểm soát Thủ tục hành chính	02	
Tổng		16	
II	Đơn vị sự nghiệp		
9	Phòng Công chứng số 1	02	
10	Phòng Công chứng số 2	01	
11	Phòng Công chứng số 3	02	
12	Trung tâm Bán đấu giá tài sản	02	
13	Trung tâm trợ giá pháp lý	02	

PHỤ LỤC SỐ 3

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Văn phòng Sở	03	
2	Thanh tra Sở	02	
3	Phòng Tổng hợp	02	
4	Phòng Kinh tế Công nghiệp và dịch vụ	02	
5	Phòng Kinh tế đối ngoại	02	
6	Phòng Kinh tế nông nghiệp	02	
7	Phòng Văn xã	02	
8	Phòng Quản lý quy hoạch	02	
9	Phòng đăng ký kinh doanh	02	
10	Phòng Thẩm định	02	
Tổng		21	

PHỤ LỤC SỐ 4

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phòng Quản lý ngân sách, tài chính và Thống kê tài chính	03	
2	Phòng Quản lý ngân sách huyện, xã	03	
3	Phòng Tài chính Đầu tư	03	
4	Phòng Quản lý Công sản - giá	03	
5	Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp	03	
6	Phòng Tài chính Doanh nghiệp và chính sách phát triển Kinh tế	03	
7	Thanh tra	03	
8	Văn phòng Sở	03	
Tổng		24	

PHỤ LỤC SỐ 5
QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	03	
2	Thanh tra Sở	02	
3	Phòng Xuất nhập khẩu	02	
4	Phòng Quản lý Thương Mại	03	
5	Phòng Kế hoạch Tổng hợp	02	
6	Phòng Mỏ và đầu tư	01	
7	Phòng Công nghiệp Nông thôn	02	
8	Phòng Kỹ Thuật An toàn	02	
9	Phòng Quản lý Điện năng	03	
	Tổng	20	
II	Đơn vị trực thuộc		
10	Chi cục Quản lý thị trường	03	
11	Trường Trung cấp nghề Thương mại Du lịch	03	
12	Trung tâm Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng	01	

PHỤ LỤC SỐ 6

**QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)*

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	03	
2	Phòng Tổ chức cán bộ	02	
3	Phòng Chăn nuôi	02	
4	Phòng Trồng trọt	02	
5	Phòng Nuôi trồng thủy sản	02	
6	Thanh tra Sở	03	
7	Văn phòng Sở	03	
8	Phòng quản lý xây dựng Công trình	03	
	Tổng	20	
II	Các Chi cục, Ban, tổ chức tương đương		
9	Chi cục bảo vệ thực vật	03	
10	Chi cục Thú y	03	
11	Chi cục Đê điều & Phòng, chống lụt bão	03	
12	Chi cục Kiểm Lâm	03	
13	Chi cục Thủy lợi	02	
14	Chi cục Lâm nghiệp	02	
15	Chi cục Phát triển nông thôn	02	
16	Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	02	
17	Chi cục khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	02	
18	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	02	
19	Trung tâm Khuyến nông	02	

20	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống Thủy sản	01	
21	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật giống cây trồng nông nghiệp.	02	
22	Trung tâm nước sinh hoạt & Vệ sinh môi trường nông thôn	02	
23	TT Nghiên cứu ứng dụng Khoa học kỹ thuật chăn nuôi	02	
24	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ Lâm nghiệp	02	
25	Ban Quản lý rừng phòng hộ Mường Lát	01	
26	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia	01	
27	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Đản	01	
28	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thanh Kỳ	01	
29	Ban Quản lý rừng phòng hộ Na Mèo	01	
30	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầu nguồn Sông Chu	01	
31	Ban Quản lý rừng phòng hộ Như Xuân	01	
32	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Lò	01	
33	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Chàng	01	
34	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh	01	
35	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sim	01	
36	Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Thành	01	
37	Đoàn quy hoạch nông, lâm nghiệp	02	
38	Đoàn quy hoạch và thiết kế Thủy lợi	02	
39	Ban quản lý Vườn quốc gia Bến En	02	
40	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên	02	
41	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu	02	
42	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông	02	
43	Ban quản lý cảng cá Lạch Bạng	01	
44	Ban quản lý cảng cá Lạch Hới	01	
45	Ban quản lý cảng cá Hòa Lộc	01	

PHỤ LỤC SỐ 7

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016
của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng, ban chuyên môn		
1	Văn phòng Sở	03	
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	03	
3	Phòng quản lý phương tiện và người lái	02	
4	Phòng Thẩm định Khoa học kỹ thuật	02	
5	Phòng quản lý giao thông	02	
6	Phòng Quản lý Vận tải	02	
7	Phòng Quản lý Giao thông nông thôn	01	
8	Thanh tra Sở	03	
Tổng		18	
II	Đơn vị sự nghiệp		
1	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải	02	

PHỤ LỤC SỐ 8

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng, ban chuyên môn		
1	Văn phòng	02	
2	Thanh tra Sở	03	
3	Phòng Kinh tế xây dựng	02	
4	Phòng Phát triển đô thị	02	
5	Phòng QL vật liệu XD	01	
6	Phòng QL Kiến trúc Quy hoạch	01	
7	Phòng QL hạ tầng kỹ thuật	02	
8	Phòng QL Hoạt động xây dựng	02	
9	Phòng QL Chất lượng XD	02	
10	Phòng QL Nhà và TT BĐS	02	
11	Ban QLDAPT Đô thị	01	
12	Ban QLDAQH xây dựng	01	
13	Ban PT Khu vực Đô thị	01	
Tổng		22	
II	Đơn vị sự nghiệp		
11	Trường Trung cấp nghề xây dựng	02	

PHỤ LỤC SỐ 9

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ CÁC
PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

ST T	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng, ban chuyên môn		
1	Văn phòng Sở	03	
2	Phòng Tài nguyên khoáng sản	02	
3	Phòng Pháp chế	01	
4	Phòng Tài nguyên nước	01	
5	Phòng Chính sách đất đai	02	
6	Phòng Quản lý đất đai	03	
7	Phòng Tài chính – Kế hoạch	03	
8	Phòng Đo đạc bản đồ	02	
9	Thanh tra Sở	03	
Tổng		19	
II	Các Đơn vị sự nghiệp		
10	Chi cục Bảo vệ Môi trường	01	
11	Chi cục Biển và Hải đảo	01	
12	Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất	01	
13	Đoàn Mỏ địa chất	02	
14	Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường	01	
15	Trung tâm Công nghệ Thông tin	01	
16	Đoàn Đo đạc bản đồ và Quy hoạch	01	
17	Quỹ Bảo vệ Môi trường	01	
18	Trung tâm phát triển quỹ đất	02	

PHỤ LỤC SỐ 10

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng, ban chuyên môn		
1	Văn phòng Sở	02	
2	Thanh tra	01	
3	Phòng Kế hoạch - Tài chính	01	
4	Phòng Quản lý Bưu chính	01	
5	Phòng Quản lý Báo chí – Xuất bản	01	
6	Phòng Quản lý Viễn thông	01	
7	Phòng Quản lý công nghệ thông tin	01	
	Tổng	08	
II	Đơn vị sự nghiệp		
8	Trung tâm Công nghệ Thông tin – Truyền thông	01	

PHỤ LỤC SỐ 11

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 45/2/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên phòng, ban, đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	03	
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính	02	
3	Phòng LĐ - Tiền lương - BHXH	02	
4	Phòng Đào tạo nghề	02	
5	Phòng Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em	02	
6	Thanh tra Sở	02	
7	Phòng Bảo trợ xã hội	02	
8	Phòng Việc làm - ATLĐ	02	
9	Phòng Người có công	03	
	Tổng cộng	20	
II	Đơn vị trực thuộc Sở		
10	Chi cục PCTNXH	01	
1	Trung tâm Bảo trợ xã hội	03	
2	Trung tâm Điều dưỡng NCC	03	
3	Trung tâm Chữa bệnh – GD – LĐXH số 1	03	
4	Trung tâm Cung cấp DVCTXH	03	
5	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe NCC	03	
6	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	02	

7	Trường TCN Khuyết tật ĐBKK	02	
8	Trường TCN Nghề miền núi	02	
9	Trung tâm Dịch vụ việc làm	02	
10	Trung tâm Chữa bệnh - GD - LĐXH số 2	01	
11	Trung tâm Chăm sóc, PHCN cho NTT, NRNTT KV Miền núi	02	
12	Quỹ Bảo trợ trẻ em	01	

PHỤ LỤC SỐ 12

**QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số: 45/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	03	
2	Phòng Tổ chức cán bộ	02	
3	Thanh tra Sở	01	
4	Phòng Kế hoạch tài chính	02	
5	Phòng Nghiệp vụ Thể dục Thể thao	02	
6	Phòng Thể thao thành tích cao	02	
7	Phòng Nghiệp vụ Du lịch	03	
8	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình	02	
9	Phòng Nghiệp vụ Văn hóa	02	
10	Phòng Quản lý Di sản Văn hóa	01	
Tổng		31	
II	Đơn vị trực thuộc Sở		
1	Thư viện tỉnh	02	
2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	02	
3	Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ	01	
4	Ban Nghiên cứu và Biên soạn LS	01	
5	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	02	
6	Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - quảng cáo	02	
7	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	02	
8	Bảo tàng tỉnh	02	
9	Báo Văn hóa và Đời sống	02	

10	Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh	02	
11	Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thanh Hóa	02	
12	Đoàn Nghệ thuật Tuồng	02	
13	Đoàn Nghệ thuật Chèo	02	
14	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	02	
15	Nhà hát Ca múa kịch Lam Sơn	03	

PHỤ LỤC SỐ 13
 QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
 CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
 SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số: 452/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Sở	02	
2	Thanh tra Sở	01	
3	Phòng Tài chính Kế hoạch	01	
4	Phòng Quản lý Khoa học	01	
5	Phòng Quản lý công nghệ	01	
6	Phòng phát triển tiềm lực Khoa học và Công nghệ	01	
7	Phòng Quản lý chuyên ngành	01	
8	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ cơ sở	01	
Tổng		10	
II	Đơn vị trực thuộc		
1	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	02	
2	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học	01	
3	Trung tâm Ứng dụng - Chuyển giao Khoa học công nghệ	01	
4	Trung tâm dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng	01	

PHỤ LỤC SỐ 14

**QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Phòng Kế hoạch - Tài chính	03	
2	Phòng Tổ chức cán bộ	01	
3	Thanh tra	02	
4	Văn phòng Sở	03	
5	Phòng Giáo dục Trung học	03	
6	Phòng Giáo dục Tiểu học	01	
7	Phòng Giáo dục Mầm non	01	
8	Phòng Giáo dục Thường xuyên	01	
9	Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp	01	
10	Phòng Pháp chế-Công tác học sinh, sinh viên	01	
11	Phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục	02	
Tổng		19	
II	Đơn vị sự nghiệp		
12	Trung tâm Kỹ thuật thực hành-hướng nghiệp và dạy nghề	01	
13	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	01	
14	99 trường THPT (có 04 trường THCS và THPT)	232	

PHỤ LỤC SỐ 15

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Phòng Tổ chức cán bộ	01	
2	Văn phòng	03	
3	Phòng KHTC	03	
4	Phòng Nghiệp vụ Y	03	
5	Phòng QL Dược	01	
5	Phòng QLHNYDTN	01	
7	Thanh tra	01	
8	Chi cục ATVSTP	02	
9	Chi cục DS-KHHGĐ	02	
Tổng		18	
II	Đơn vị trực thuộc		
1	BV tuyến tỉnh: 12 Bệnh viện	30	
2	BV tuyến huyện: 25 Bệnh viện	30	
3	TT tuyến tỉnh: 08	19	
4	TTYT tuyến huyện: 27	54	
5	TT Dân số - KHHGĐ	03	
6	Chi cục ATVSTP	02	
7	Chi cục DS-KHHGĐ	03	

PHỤ LỤC SỐ 16

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
THÀNH TRA TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Văn phòng	03	
2	Phòng Thanh tra 1	02	
3	Phòng Thanh tra 2	02	
4	Phòng Thanh tra 3	03	
5	Phòng Thanh tra chống tham nhũng	02	
6	Phòng xử lý sau thanh tra	02	
Tổng		14	

PHỤ LỤC SỐ 17

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Phòng Kinh tế - Tài chính	02	
2	Phòng Tổng hợp - Kế hoạch	02	
3	Phòng Nông nghiệp – Khoa học công nghệ - Tài nguyên Môi trường	02	
4	Phòng CN-XD-GT	02	
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	02	
6	Phòng Nội chính	01	
7	Phòng Quản lý Công Thông tin điện tử và công nghệ thông tin	02	
8	Phòng Hành chính - Tổ chức	03	
9	Phòng Quản trị - Tài vụ	03	
11	Ban tiếp công dân	02	
Tổng		21	
II	Đơn vị sự nghiệp		
12	Nhà khách 25B	02	

* Ghi chú: Việc bổ nhiệm cấp phó các phòng, ban thuộc Văn phòng UBND tỉnh thực hiện theo Khoản d Điểm 1, Điều 1 Quyết định này.

PHỤ LỤC SỐ 18

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
SỞ NGOẠI VỤ

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phòng Hợp tác quốc tế	02	
2	Phòng Biên giới - Lãnh sự	01	
3	Văn phòng	02	
4	Thanh tra	01	
Tổng		06	

PHỤ LỤC SỐ 19

**QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
BAN DÂN TỘC**

(Kèm theo Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Văn phòng	03	
2	Phòng Thanh tra	01	
3	Phòng Kế hoạch - tổng hợp	01	
4	Phòng chính sách và tuyên truyền	02	
Tổng		07	

PHỤ LỤC SỐ 20

QUY ĐỊNH KHUNG SỐ LƯỢNG CẤP PHÓ
CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHỊ SƠN VÀ CÁC
KHU CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 4512/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên phòng, ban đơn vị	Khung số lượng cấp phó được bổ nhiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ		
1	Văn phòng Ban	03	
2	Phòng Xúc tiến Đầu tư	02	
3	Phòng Quản lý Xây dựng	02	
4	Phòng Quản lý Quy hoạch	01	
5	Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường	02	
6	Phòng Quản lý Doanh nghiệp và Lao động	01	
7	Phòng Kế hoạch tài chính	01	
8	Thanh Tra	01	
9	Phòng quản lý Thương mại Xuất nhập khẩu	01	
10	Phòng đại diện tại Khu công nghiệp Lễ Môn	01	
11	Phòng đại diện tại Khu công nghiệp Bim Sơn	02	
12	Phòng đại diện tại Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng	01	
Tổng		20	
II	Đơn vị trực thuộc		
13	Đội quản lý, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hoá	01	